

Bản án số: 406/2018/HC-PT

Ngày: 01 - 10 - 2018

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Ông Nguyễn Đức Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thới Ngọc Bắc, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tiểu Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 404/2018/HCPT ngày 14 tháng 8 năm 2018 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2018/HC-ST ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1368/2018/QĐ - PT ngày 07 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự.

- Người khởi kiện: Ông Lê Văn T, sinh năm 1970, (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, ấp C1, xã C2, huyện A, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: 01 Phạm Văn Đồng, phường P1, thành phố B, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và Ủy ban nhân dân huyện C, vắng

mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: khu hành chính huyện C, thị trấn G, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lê Văn D - Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện C (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Lê Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/11/2016 và ngày 06/12/2016, ông Lê Văn T có đơn khiếu nại Quyết định số 3986/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của UBND huyện C về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ tiền thuê nhà bổ sung cho ông T để thu hồi đất giao Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức đầu tư xây dựng dự án: Khu Công nghiệp - Đô thị Châu Đức.

- Ngày 16/02/2017, UBND huyện C có Công văn số 382/UBND-TTr về việc trả lời khiếu nại cho ông T (Công văn số 382). Theo đó, UBND huyện đã trả lời cho ông T được biết việc ông T yêu cầu Nhà nước hỗ trợ tiền thuê nhà bổ sung 45.000.000 đồng (30 tháng x 1.500.000 đồng) không có cơ sở.

- Ngày 02/3/2017, ông T có đơn khiếu nại Công văn số 382. Ngày 20/3/2017, UBND huyện C ban hành Thông báo số 137/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu của ông T.

- Ngày 15/5/2017, UBND huyện C ban hành Quyết định số 1569/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê Văn T (lần đầu) (Quyết định số 1569) bác đơn khiếu nại của ông T đối với nội dung yêu cầu Nhà nước hỗ trợ tiền thuê nhà bổ sung 45.000.000 đồng (30 tháng x 1.500.000 đồng); giữ nguyên nội dung văn bản số 382.

- Ông T tiếp tục có đơn khiếu nại Quyết định giải quyết lần đầu của UBND huyện C; Ngày 03/11/2017, Chủ tịch UBND tỉnh BR-VT ban hành Quyết định số 3222/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông T (lần hai) (Quyết định số 3222) có nội dung bác khiếu nại của ông T về việc yêu cầu hỗ trợ 45.000.000 đồng tiền thuê nhà; giữ nguyên Quyết định số 1569.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện trình bày:

Ông T cho rằng thời điểm bàn giao mặt bằng của gia đình ông cho chủ đầu tư từ ngày 01/4/2011 đến ngày được giao đất ở mới là ngày 21/01/2016 tổng cộng thời gian là 57 tháng + 6 tháng = 63 tháng với số tiền là 94.500.000 đồng. Tuy nhiên UBND huyện mới hỗ trợ tiền thuê nhà cho ông T 38 tháng với số tiền 57.000.000 đồng.

Ông T xác định bàn giao mặt bằng là ngày 01/4/2011 theo biên bản chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ số 34/BB-KCNĐTCD ngày 30/3/2011 và Thông báo số 234/2011 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện C. Gia đình ông T tiến hành bàn giao mặt bằng đúng như cam kết, ông T có thuê người tháo dỡ mặt bằng bàn giao đất cho chủ đầu tư trên thực địa, nhưng không có sự chứng kiến của UBND huyện và chủ đầu tư. Do đó ông T không đồng ý với quan điểm của UBND huyện về thời điểm bàn giao mặt bằng là ngày 01/6/2013 theo biên bản làm việc ngày 26/5/2016.

Ông T khởi kiện yêu cầu: Hủy Quyết định số 3222; Hủy Quyết số 1569; Hủy Công văn số 382; Buộc UBND huyện C bồi thường, hỗ trợ bổ sung thêm cho gia đình ông T tiền thuê nhà là 37.500.000 đồng theo quy định tại Điều 8 Quyết định số 13/2010/QĐ-UBND ngày 01/4/2010 của UBND tỉnh.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án những người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

1. Đối với nội dung yêu cầu Tòa án tuyên hủy các Quyết định hành chính về lĩnh vực đất đai: Trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông T để đầu tư xây dựng công trình Khu Công nghiệp - Đô thị Châu Đức và quá trình giải quyết khiếu nại lần đầu của ông T đều được đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 03/11/2017, Chủ tịch UBND tỉnh BR-VT đã ban hành Quyết định số 3222 giải quyết khiếu nại lần hai của ông T, bác đơn khiếu nại của ông T và giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại lần đầu của UBND huyện C.

Do đó, ông T yêu cầu hủy Công văn số 382 và Quyết định số 1569 là không có cơ sở.

2. Đối với nội dung yêu cầu bồi thường, hỗ trợ bổ sung 37.500.000 đồng tiền thuê nhà cho ông Lê Văn T:

Đất thu hồi của hộ ông T để đầu tư xây dựng công trình Khu Công nghiệp - Đô thị Châu Đức là 2.763m² (toàn bộ là đất nông nghiệp) thuộc các thửa đất thu hồi số 1047, 1050 tờ bản đồ thu hồi số 08 xã N1 (tương ứng với các thửa đất số 200, 346 tờ bản đồ địa chính số 19, 18 xã N1).

Trên phần đất của ông T có nhà tạm A4, diện tích 57,4m² và sau khi thu hồi ông T không còn chỗ ở nào khác. UBND huyện C đã phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông T tại Quyết định số 4322/QĐ-UBND ngày 12/10/2010; phê duyệt kinh phí hỗ trợ tiền thuê nhà tại Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 17/02/2014 và Quyết định số 3986/QĐ-UBND ngày 27/7/2016. Đồng thời UBND huyện đã giải quyết giao đất ở mới cho ông T theo Quyết định số 4560/QĐ-UBND ngày 18/12/2015. Ngày 21/01/2016, các phòng của huyện đã

tiến hành bàn giao thửa đất số 330, tờ bản đồ số 41 tại xã Suối Nghệ cho ông T để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà ở.

Thời điểm yêu cầu ông T bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công theo như Thông báo số 234/TB-TTPTQĐ ngày 29/3/2011 của Trung tâm Phát triển quỹ đất là ngày 01/4/2011. Tuy nhiên theo báo cáo của Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức thì cho đến ngày 17/7/2012 hộ ông T vẫn chưa bàn giao mặt bằng.

Ngày 24/5/2016, Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện, UBND xã N1 và đại diện đơn vị Chủ đầu tư (Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức) tiến hành xác minh thời điểm bàn giao mặt bằng của hộ ông T; kết quả xác định ông T đã tháo dỡ nhà, vật kiến trúc và không còn ở trên phần đất thu hồi vào ngày 01/6/2013, ông T cũng đã đồng ý ký tên vào Biên bản xác minh này.

Căn cứ Điều 8 Quyết định số 13/2010/QĐ-UBND ngày 01/4/2010 của UBND tỉnh (Có hiệu lực tại thời điểm UBND huyện phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông T) về hỗ trợ tiền thuê nhà ở quy định:

“Hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi nhà, đất để ở thuộc diện bố trí tái định cư hoặc giao đất ở mới theo quy định này, trong thời hạn chờ giao đất tái định cư, nhận nhà tái định cư hoặc chờ giao đất ở mới được hỗ trợ tiền thuê nhà ở 1.500.000 đ/hộ/tháng. Thời gian hỗ trợ được tính từ ngày bàn giao mặt bằng cho chủ dự án đến ngày nhận đất, nhà tái định cư hoặc chờ giao đất ở mới và còn được cộng thêm:

- Đối với các hộ nhận nhà hoàn thiện : 01 (một) tháng
- Đối với các hộ nhận nhà xây thô : 03 (ba) tháng
- Đối với các hộ nhận đất để tự xây dựng nhà : 06 (sáu) tháng”

Như vậy, thời gian tính từ ngày ông T bàn giao mặt bằng (ngày 01/6/2013) đến ngày nhận đất ở mới (ngày 21/01/2016) và cộng thêm 06 tháng đối với trường hợp nhận đất để tự xây dựng nhà được xác định là 38 tháng.

Việc Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 17/02/2014 và Quyết định số 3986/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 đã hỗ trợ tiền thuê nhà cho ông T là 38 tháng x 1.500.000 đồng = 57.000.000 đồng là đúng quy định.

Ông T yêu cầu tính thời điểm giao mặt bằng từ ngày 01/4/2011 để tính hỗ trợ tiền thuê nhà bổ sung thêm với số tiền 37.500.000 đồng là không có cơ sở.

Chủ tịch UBND huyện C và UBND huyện C giữ nguyên các Quyết định số 1569 và Công văn số 382.

Chủ tịch UBND tỉnh BR-VT đề nghị Tòa án Nhân dân tỉnh BR-VT bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T. Công nhận tính hợp pháp và tính có căn cứ của Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 3222/QĐ-UBND ngày 03/11/2017

của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2018/HC-ST ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính.

Áp dụng: Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Điều 8 Quyết định số 13/2010/QĐ-UBND ngày 01/4/2010 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc hỗ trợ tiền thuê nhà ở; Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của ông Lê Văn T yêu cầu hủy các quyết định:

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 3222/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 1569/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

- Công văn số 382/UBND-TTr ngày 16/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C;

- Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn T buộc Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung thêm cho gia đình ông Lê Văn T tiền thuê nhà với số tiền là 37.500.000 đồng (Ba mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 19/7/2018, ông Lê Văn T làm đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 17/2018/HC-ST ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, hủy các Quyết định:

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 3222/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 1569/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

- Công văn số 382/UBND-TTr ngày 16/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C;

Và buộc Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ

bổ sung thêm cho gia đình ông Lê Văn T tiền thuê nhà với số tiền là 37.500.000 đồng (Ba mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Với lý do:

- Các chứng cứ liên quan được lập ngày 01/4/2011 như Biên bản giao nhận tiền số 34/BB-KCNĐTCD ngày 30/3/2011 của Hội đồng bồi thường huyện C, Thông báo số 234/TB-TTPTQĐ của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện, Hợp đồng thuê nhà ở giữa tôi và ông Chu Văn N và việc sau thời điểm ngày 01/4/2011, Ủy ban nhân dân huyện C không có bất kỳ động thái nào liên quan đến việc bàn giao mặt bằng đã chứng minh thực tế ông T đã tháo dỡ nhà là vào ngày 01/4/2011.

- Việc Ủy ban nhân dân huyện C không tiến hành bàn giao mặt bằng là vi phạm nghiêm trọng trình tự, thủ tục giao đất nhưng không được bản án sơ thẩm đề cập, xem xét. Việc lập biên bản xác minh ngày 24/5/2016 hoàn toàn thiếu căn cứ và được lập không đúng thời điểm, nó lợi cho Ủy ban nhân dân huyện C nhưng lại được Tòa án nhân cấp sơ thẩm chấp nhận là chưa chính xác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ông Lê Văn T không rút đơn kháng cáo và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm hủy các Quyết định giải quyết khiếu nại số 3222/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quyết định giải quyết khiếu nại số 1569/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C; Công văn số 382/UBND-TTr ngày 16/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C, và buộc Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung thêm cho gia đình ông Lê Văn T tiền thuê nhà với số tiền là 37.500.000 đồng (Ba mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Ông T trình bày tranh luận cho rằng ông đã tháo dỡ nhà từ năm 2011 là thực tế. Nhưng do không hiểu biết pháp luật nên ông không yêu cầu phía người bị kiện lập biên bản khi tháo dỡ nhà và đã ký các văn bản do bên bị kiện đưa mà không xem xét nội dung. Ông T đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của ông

Phía bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện C do ông Lê Văn D trình bày không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo qui định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Xét về nội dung vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng phán xử không chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T là có căn cứ đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm ông T kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của ông nhưng không xuất trình thêm chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bác đơn kháng cáo của ông T giữ nguyên bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Văn T, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Lê Văn T làm trong hạn luật định nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T thì vụ án có quan hệ tranh chấp về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai”. Ông Lê Văn T yêu cầu hủy các Quyết định giải quyết khiếu nại số 3222/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Quyết định giải quyết khiếu nại số 1569/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C; Công văn số 382/UBND-TTr ngày 16/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C là khiếu kiện quyết định hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và còn thời hiệu khởi kiện theo Khoản 1 Điều 30, Khoản 3, Khoản 4 Điều 32, điểm a Khoản 2 Điều 116, Khoản 1 Điều 139, Luật tổ tụng hành chính.

[3] Về nội dung giải quyết yêu cầu kháng cáo của đương sự:

Đất của hộ gia đình ông Lê Văn T đang quản lý được thu hồi để đầu tư xây dựng Công trình Khu công nghiệp – Đô thị Châu Đức, trên phần đất của ông T có nhà tạm A4, diện tích 57m², sau khi thu hồi ông T không còn chỗ ở nào khác. Ủy ban nhân dân huyện C đã phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho ông T tại Quyết định 4322/QĐ-UBND ngày 12/10/2010. Phê duyệt kinh phí hỗ trợ tiền thuê nhà tại Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 17/02/2014 và Quyết định số 3986/QĐ-UBND ngày 27/7/2016. Đồng thời UBND huyện đã giải quyết giao đất ở mới cho ông T theo Quyết định số 4560/QĐ-UBND ngày 18/12/2015. Ngày 21/01/2016, các phòng của huyện đã tiến hành bàn giao thửa đất số 330, tờ bản đồ số 41 tại xã Suối Nghệ cho ông T để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà ở.

Ngày 24/5/2016, Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện, UBND xã N1 và đại diện đơn vị Chủ đầu tư (Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức) tiến hành xác minh thời điểm bàn giao mặt bằng của hộ ông T; kết quả xác định ông T đã tháo dỡ nhà, vật kiến trúc và không còn ở trên phần đất thu hồi vào ngày 01/6/2013, ông T cũng đã đồng ý ký tên vào Biên bản xác minh này.

Từ Biên bản ngày 24/5/2016 về việc xác minh thời gian bàn giao mặt bằng của của hộ ông Lê Văn T là ngày 01/6/2013, Ủy ban nhân dân huyện C đã ban hành Quyết định số 3886/QĐ-UBND ngày 27/7/2016, hỗ trợ tiền thuê nhà cho ông T là 38 tháng (tính từ ngày 01/6/2013 đến ngày cấp đất mới tái định cư cho ông T và cộng thêm 06 tháng là 38 tháng) và đã hỗ trợ tiền thuê nhà cho ông T là 38 tháng x 1.500.000 đồng = 57.000.000 đồng.

Ông T xác định bàn giao mặt bằng là ngày 01/4/2011 theo biên bản chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ số 34/BB-KCNĐTCD ngày 30/3/2011 và Thông báo số 234/2011 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện C. Gia đình ông T tiến hành bàn giao mặt bằng đúng như cam kết, ông T có thuê người tháo dỡ mặt bằng bàn giao đất cho chủ đầu tư trên thực địa, nhưng không có sự chứng kiến của UBND huyện và chủ đầu tư. Do đó ông T không đồng ý với quan điểm của UBND huyện về thời điểm bàn giao mặt bằng là ngày 01/6/2013 theo biên bản làm việc ngày 26/5/2016.

Xét kháng cáo của ông Lê Văn T, Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình ông T, ông T không có ý kiến gì về việc giải quyết bồi thường, tái định cư mà chỉ không đồng ý với việc xác định thời điểm bàn giao mặt bằng là ngày 01/4/2011 chứ không phải là ngày 01/6/2013 như Biên bản ngày 26/5/2016 và yêu cầu áp dụng theo quy định tại Điều 8 Quyết định số 13/2010/QĐ-UBND ngày 01/4/2010 của UBND tỉnh để hỗ trợ thêm 37.500.000 đồng cho ông.

Điều 8 Quyết định số 13/2010/QĐ UBND ngày 01/4/2010 quy định:

“Hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi nhà, đất để ở thuộc diện bố trí tái định cư hoặc giao đất ở mới theo quy định này, trong thời hạn chờ giao đất tái định cư, nhận nhà tái định cư hoặc chờ giao đất ở mới được hỗ trợ tiền thuê nhà ở 1.500.000 đ/hộ/tháng. Thời gian hỗ trợ được tính từ ngày bàn giao mặt bằng cho chủ dự án đến ngày nhận đất, nhà tái định cư hoặc chờ giao đất ở mới và còn được cộng thêm:

- Đối với các hộ nhận nhà hoàn thiện : 01 (một) tháng
- Đối với các hộ nhận nhà xây thô : 03 (ba) tháng
- Đối với các hộ nhận đất để tự xây dựng nhà : 06 (sáu) tháng”

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy, theo quy định tại Điều 8 Quyết định 13 thì thời gian hỗ trợ được tính từ ngày giao mặt bằng cho chủ dự án đến ngày nhận đất (đối với hộ ông Lê Văn T). Việc Ủy ban nhân dân huyện C căn cứ vào Biên bản ngày 24/5/2016 về việc xác minh thời gian bàn giao mặt bằng của hộ ông Lê Văn T là ngày 01/6/2013 từ đó ban hành Quyết định số 3886/QĐ-UBND ngày 27/7/2016, hỗ trợ tiền thuê nhà cho ông T là 38 tháng (tính từ ngày 01/6/2013 đến ngày cấp đất mới tái định cư cho ông T và cộng thêm 06 tháng là

38 tháng) và đã hỗ trợ tiền thuê nhà cho ông T là 38 tháng x 1.500.000 đồng = 57.000.000 đồng là đúng quy định tại Điều 8 Quyết định 13, ngoài Biên bản xác minh ngày 24/5/2016, ông T không cung cấp được giấy tờ nào khác chứng minh được ngày ông bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư là ngày 01/4/2011 như ông yêu cầu.

Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của ông Lê Văn T, giữ nguyên án sơ thẩm

Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Lê Văn T phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Bộ luật Tố tụng hành chính năm 2015;

1. Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Văn T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm:

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T đối với yêu cầu hủy các Quyết định:

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 3222/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 1569/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

- Công văn số 382/UBND-TTr ngày 16/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn T buộc Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ bổ sung thêm cho gia đình ông Lê Văn T tiền thuê nhà với số tiền là 37.500.000 (Ba mươi bảy triệu năm trăm ngàn) đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Mục I Danh mục mức án phí lệ phí Tòa án năm 2009.

2. Buộc ông Lê Văn T nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính đã nộp tại Biên lai thu số 0003242 ngày 20/7/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông Lê Văn T không phải nộp thêm.

Những phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đắc Minh

Hoàng Thanh Dũng

Phạm Thị Duyên

